

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến tiêu cực ở nhóm ngân hàng khiến VNIndex giảm điểm

## [Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VPB, HVN, ANV

## [Cập Nhật Công Ty]

VPB, MBB, CTG, VIB, HPG

## [Quan điểm đầu tư]

Chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ 74x.

27/04/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	770.77	-0.76
VN30	719.66	-0.74
HĐTL VN30	692.50	-0.66
HNXIndex	106.30	-0.63
HNX30	201.75	-0.87
UPCoM	51.97	+0.60
USD/VND	VND23,475	-0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.05	-8
Lãi suất qua đêm (%)	1.94	-4
Dầu (WTI, \$)	14.67	-13.40
Vàng (LME, \$)	1,720.79	-0.51



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 770.77 (-0.76%)  
**KLGD (triệu CP)** 256.8 (+13.6%)  
**GTGD (triệu U\$)** 200.5 (+19.8%)

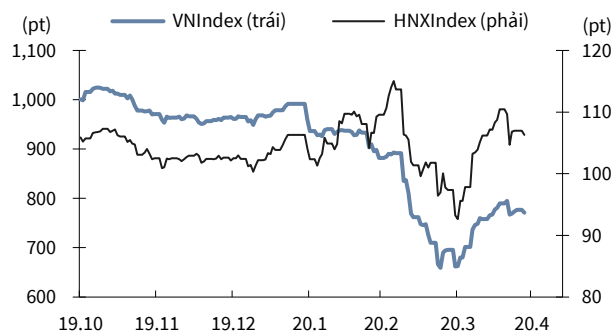
**HNXIndex** 106.30 (-0.63%)  
**KLGD (triệu CP)** 37.8 (-13.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 13.1 (+1.2%)

**UPCoM** 51.97 (+0.60%)  
**KLGD (triệu CP)** 14.1 (-17.4%)  
**GTGD (triệu U\$)** 6.3 (-5.4%)

**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -20.0

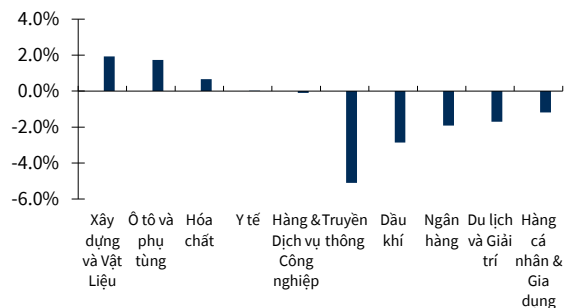
Diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngân hàng, trước hiệu ứng tiêu cực từ mùa báo cáo KQKD khiến chỉ số VNIndex giảm điểm ngày hôm nay. Trong đó, xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 chỉ có 4 mã tăng, trong khi có 24 mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng như VCB (-3%), BID (-2.5%)... dẫn dắt xu hướng điều chỉnh của thị trường khi mà báo cáo KQKD Q1 của nhiều ngân hàng cho thấy dấu hiệu gia tăng của nợ xấu do tác động của Covid-19. Trong khi đó, diễn biến sụt giảm của giá dầu thế giới trên thị trường Châu Á tạo áp lực khiến nhóm cổ phiếu dầu khí lao dốc ở PVD (-3.9%), PVS (-0.9%)... Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp như KBC (+6.7%), ITA (+6.6%)... đồng loạt tăng trần trước kỳ vọng vào xu hướng đầu tư FDI được đẩy mạnh sau khi Chính phủ kiểm soát tốt dịch Covid-19. Nhóm cổ phiếu thủy sản như MPC (+8.4%), VHC (+7%)... tăng mạnh sau thông tin Mỹ giảm thuế chống bán phá giá đối với cá tra-basa của Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VCB (-3.1%), VPB (+2.4%), VRE (-2.1%)...

## VN Index & HNX Index



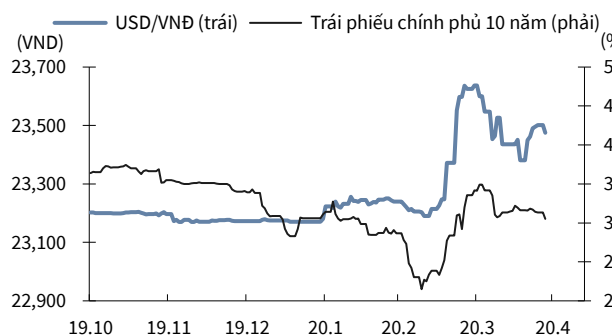
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



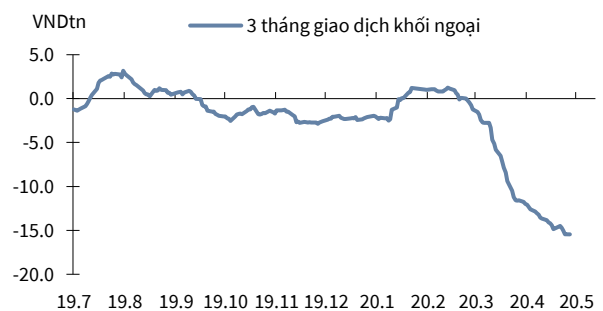
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>719.66 (-0.74%)</b>
<b>VN30 tương lai</b>	<b>692.5 (-0.66%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>706.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>710.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>688.0</b>
<b>Hợp đồng</b>	<b>210,785 (-10.9%)</b>

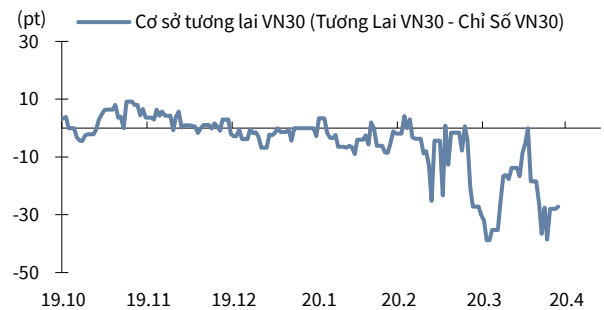
Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của chỉ số VN30 Index. Với việc F2005 giảm yếu hơn so với chỉ số cơ sở, chênh lệch âm giảm nhẹ xuống mức -27.2 điểm. Khối lượng giao dịch sụt giảm so với phiên trước nhưng vẫn ở mức trung bình cao. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với khối lượng đáng kể, tập trung ở F2005.

## HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



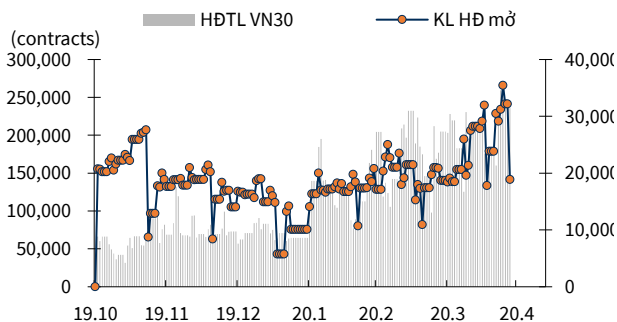
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



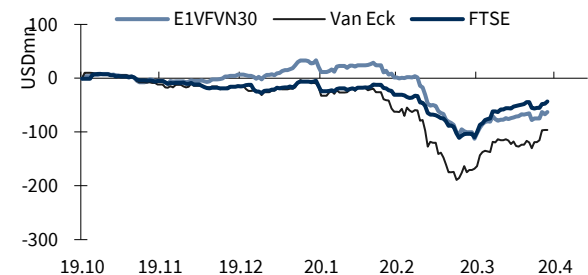
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

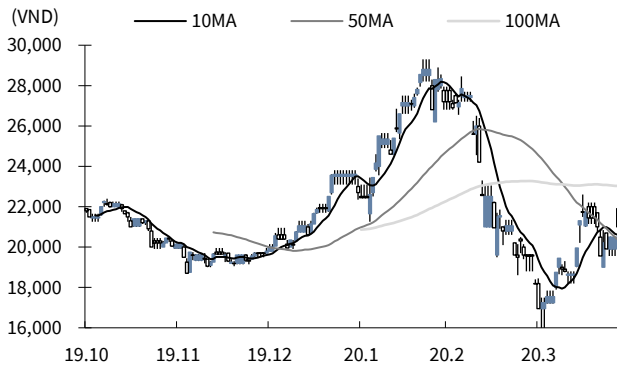
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

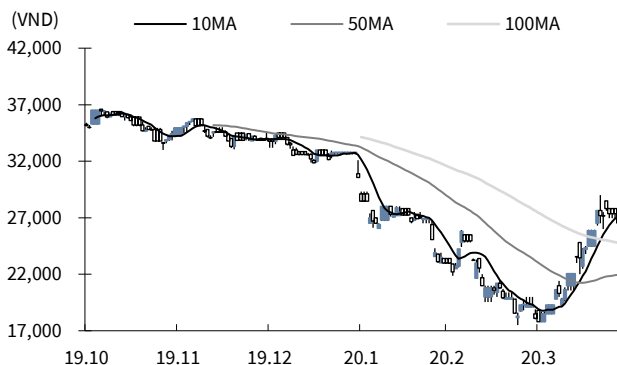
## VPBank (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 2.4% lên 21,000 VND/cp.
- VPB vừa có văn bản xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc xem xét thông qua phương án mua lại tối đa 122 triệu cổ phiếu (tương đương 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Giao dịch dự kiến diễn ra trong năm 2020.
- Ngoài ra, HĐQT VPB cũng đang xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc mua lại tối đa 300 triệu USD trái phiếu quốc tế và giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống mức 15% từ mức 22.77% hiện tại.

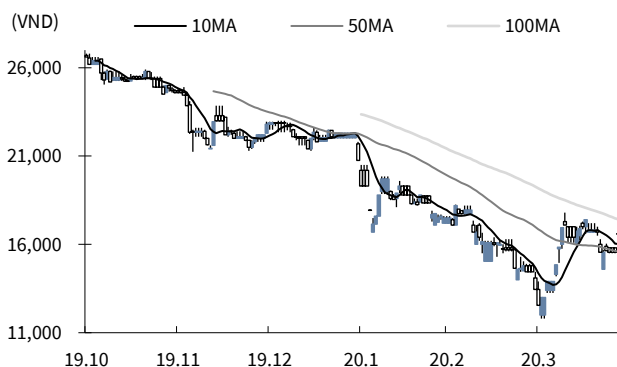
## Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN giảm -2.9% xuống 26,550 VND/cp.
- Phát ngôn viên của Ban thư ký Hàng không dân dụng Campuchia, ông Sin Chansereyvutha, đã xác nhận việc HVN đã bán thành công 49% cổ phần nắm giữ tại Campuchia Angkor Air cho các nhà đầu tư tư nhân, nhằm giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 10%. Tuy nhiên, giá trị thương vụ vẫn chưa được xác định.
- Trước đó, vào đầu tháng 4, HVN đã công bố đẩy nhanh việc bán cổ phần tại Campuchia Angkor Air và 5 máy bay A321 nhằm khắc phục khó khăn do tác động của Covid-19.

## Nam Việt (ANV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ANV tăng 6.8% lên 16,600 VND/cp.
- Chủ tịch HĐQT ANV, ông Doãn Tới, vừa thông báo đăng ký mua 4,5 triệu cổ phiếu ANV (tương đương 3.4% số lượng cổ phiếu lưu hành) để tăng tỷ lệ sở hữu lên 56.3%. Giao dịch dự kiến thực hiện theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận từ 29/4 đến 25/5/2020. Tính ở mức giá hiện tại, dự kiến ông Tới sẽ cần bỏ ra khoảng 70 tỷ đồng để mua lượng cổ phiếu trên.

27/04/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim  
harrison.kim@kbfg.com  
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền  
huvenntt@kbsec.com.vn

# Ngân hàng TMCP VPBank (VPB)

## Trái phiếu trở thành động lực mạnh mẽ trong kết quả kinh doanh Quý 1

### Thu nhập trước thuế 1Q tăng 63% YoY khi ngân hàng tích cực mua trái phiếu

— Lợi nhuận trước thuế Quý 1 ghi nhận 2,911 tỷ đồng (tăng 63% YoY) khi Ban lãnh đạo tích cực mở rộng danh mục trái phiếu để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nói chung. Tổng tín dụng tăng 21.1% YoY so với Quý 4 năm 2019, 17.6% YoY mặc dù tăng trưởng cho vay của khách hàng chậm lại ở mức 14.0% YoY so với quý trước, 16.1% YoY. Việc đẩy mạnh mua trái phiếu doanh nghiệp cho phép tăng trưởng tín dụng tổng thể vẫn ở mức cao, đồng thời tăng danh mục đầu tư trái phiếu lên 41% YoY (59% QoQ). Trái phiếu doanh nghiệp tăng gấp đôi giá trị và tỷ trọng tăng gấp 1.5 lần, lên 32%, trong khi trái phiếu chính phủ giảm xuống còn 40% từ mức 45% trong tổng danh mục trái phiếu năm giữ tại Quý 4/2019. Bên cạnh đó, VPB cũng mua thêm 9,038 tỷ đồng tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, cho thấy thanh khoản của bảng cân đối kế toán vẫn còn nhiều.

### Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ cho phép ngân hàng chủ động trong việc trích lập dự phòng

— Nợ xấu của VPBank trên thực tế đã giảm xuống còn 3.03% trong Q1/2020 so với 3.42% ở quý trước. Tuy nhiên, chất lượng tín dụng đang có dấu hiệu trượt dốc khi tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý tăng lên 8.23% so với 8.18% trong Quý 4/2019 - đủ cao để ngân hàng giảm tốc độ tăng trưởng cho vay trong quý. Để bù đắp và phá vỡ tỷ lệ cho vay tiền gửi thuần đang mức khá cao, 122% mặc dù tiền gửi của khách hàng tăng đã 15% YoY - VPB chuyển hướng một phần thanh khoản dồi dào sang thị trường trái phiếu, đặc biệt là sau khi huy động được 209 triệu USD (4,909 tỷ đồng) từ Tập đoàn tài chính quốc tế IFC trong quý. Điều này cho phép VPB ổn định khoản dự phòng rủi ro tính dụng (302,747 tỷ đồng) trong Quý 1/2020 ở mức 1.41% tổng dư nợ (+ 15.8% YoY, + 0.5% QoQ) so với 1,44% tổng dư nợ vào cuối năm 2019. Tỷ lệ bao phủ đối với các nợ xấu chạm mức 52.0% so với 46.5% ở Quý 4/2019 và vẫn ổn định cho các khoản nợ xấu và nợ cần chú ý khi còn 19.1% so với 19.4% ở cuối năm 2019.

### Thu nhập từ phí bị ảnh hưởng khi thực hiện các hoạt động hỗ trợ khách hàng trong dịch nhưng chi phí đã được quản lý tốt hơn

— Thu nhập từ lãi và phí giảm 7% YoY xuống còn 695 tỷ đồng khi các ngân hàng đồng loạt giảm thu phí để hỗ trợ khách hàng trong dịch COVID-19. Sự gia tăng mạnh mẽ lợi nhuận chứng khoán đầu tư cao hơn bốn lần so với cùng kỳ năm ngoái là đặc điểm đáng chú ý nhất của thu nhập ngoài lãi. Chi phí hoạt động đã được kiểm soát, với tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) quý 1/2020 cải thiện khiêm tốn lên 33.1% từ 33.9% năm ngoái.

### Quản lý vốn tốt hơn trước qua kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ và mua lại trái phiếu quốc tế

— Thay vì đẩy mạnh thu mua trái phiếu doanh nghiệp, dấu hiệu tích cực đã khi theo một bài báo gần đây, Ban lãnh đạo đề xuất mua lại tới 5% hoặc 122 triệu cổ phiếu đang lưu hành với giá 2,500 tỷ đồng và mua lại 300 triệu USD trái phiếu ở nước ngoài để tận dụng bản cân đối dồi dào. Mặc dù có rất ít thông tin được cung cấp, Ban lãnh đạo cũng có thể đề xuất giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống 15% từ 23%, có thể hiểu đây là nỗ lực để bảo đảm cho một nhà đầu tư chiến lược (tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện đang là 22.44%).

27/04/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim  
harrison.kim@kbfg.com  
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn

# Ngân hàng Quân đội (MBB)

## Nợ xấu gia tăng kéo chậm lại tăng trưởng tín dụng Quý 1

### Lợi nhuận trước thuế Quý 1 giảm 9% YoY khi tăng trưởng tín dụng gần như bị đình trệ

— Lợi nhuận trước thuế Quý 1 chỉ đạt 1,783 tỷ đồng đã giảm 7.7% YoY hay 7.5% QoQ do tốc độ tăng trưởng tín dụng/cho vay giảm mạnh và chi phí tín dụng tăng lên gấp đôi trong khi các khoản nợ xấu tăng đột biến. Tăng trưởng tín dụng gần như bị đình trệ ở mức 6.7% YoY so với quý cuối năm 2019, 16.5% YoY và thực tế đã giảm 1.8% QoQ so với Quý 4/2019. Tăng trưởng cho vay cũng chậm chạp ở mức 8.2% YoY so với Quý 4/2019, 16.5% và giảm 0.9% theo quý. Sự giảm tốc trong tăng trưởng tín dụng này đặt ra câu hỏi về hiệu quả của công ty con Mcredit hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng của MBBank.

### Tài sản chứng kiến sự sụt giảm trong chất lượng khi mở rộng thị trường cho vay dưới chuẩn

— Nợ xấu đã tăng lên 1.62% so với mức 1.16% của Quý 4/2019, bên cạnh đó, nợ xấu và nợ cần chú ý tăng vọt lên 3.54% từ mức 2.31% từ cuối năm 2019, nguyên nhân có thể do MBB mở rộng tín dụng đến với thị trường cho vay dưới chuẩn thông qua Mcredit. Sự chậm lại rõ rệt hơn trong tăng trưởng tín dụng cũng có khả năng gây áp lực lên chất lượng tài sản của ngân hàng. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng lên hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái, 2,093 tỷ đồng (+ 117% YoY / + 72% QoQ) bằng 0.84% tổng dư nợ so với tỉ lệ 0.49% và 0.42% tổng dư nợ tại cuối năm 2019 và cùng kì. Ban lãnh đạo đã giảm thiểu thiệt hại từ trong việc chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng mạnh thông qua hạ thấp tỷ lệ bao phủ nợ xấu, giảm xuống 97.6% đối với nợ xấu so với 110.5 % tại Quý 4/2019 và tỉ lệ bao phủ nợ xấu và nợ cần chú ý chỉ còn 44.5% từ tỉ lệ 55.3% của Quý 4/2019

### Chi phí được kiểm soát chặt chẽ để hỗ trợ lợi nhuận

— Thu nhập lãi và phí không có nhiều thay đổi đáng kể trong Quý 1, đạt mức 745 tỷ đồng (-2% YoY, -15% QoQ). Bên cạnh đó, thu nhập từ phí bảo hiểm cũng tụt lại và giảm 14% QoQ trong quý mặc dù đã tăng 32% YoY. Chi phí hoạt động là một điểm sáng khi Ban lãnh đạo đã thành công trong việc kiểm soát chi phí ở mức thấp, cộng với việc tổng thu nhập hoạt động (TOI) và cơ sở tài sản tăng lên góp phần đẩy tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) Quý 1 xuống còn 32.4% từ 37.9% trong cùng kỳ năm ngoái.

27/04/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim  
harrison.kim@kbfg.com  
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền  
huvenntt@kbsec.com.vn

# Ngân hàng Vietinbank (CTG)

## Chi phí dự phòng tạo áp lực lên kết quả kinh doanh Quý 1

### Lợi nhuận trước thuế Quý 1 giảm 6% YoY dưới áp lực gia tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

— Lợi nhuận trước thuế Quý 1 có phần yếu đi và đạt 2,405 tỷ đồng (giảm 5.3% YoY/9.4% QoQ) vì chất lượng tín dụng suy giảm tạo sức ép khiến Ban lãnh đạo phải tăng nhanh chi phí dự phòng cho các khoản nợ cần chú ý. Hoạt động cho vay đi xuống kéo theo tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại xuống còn 7.1% YoY từ mức 8.1% YoY của Quý 4/2019. Tăng trưởng cho vay khách hàng cũng chậm lại với tốc độ tương tự 7.2% YoY so với mức 8.1% YoY của Quý 4/2019.

### Nhiều dấu hiệu cho thấy tín dụng suy giảm và dự phòng rủi ro tín dụng vẫn chậm hơn so với sự gia tăng các khoản vay cần chú ý

— Cũng giống như tất cả các ngân hàng khác, Vietinbank cũng phải đối mặt với rủi ro suy giảm chất lượng tài sản. Nợ xấu tăng lên 1.83% so với mức 1.16% của Quý 4/2019, bên cạnh đó, nợ xấu và nợ cần chú ý cũng tăng lên 2.69% trong Quý 1/2020 so với tỉ lệ 1.76% ở cuối năm 2019. Điều này khiến cho các khoản dự phòng tín dụng tăng lên 4.393 tỷ đồng, (+36% YoY) tương đương 0.48% tổng dư nợ so với tỉ lệ 0.38% tổng dư nợ vào cuối năm 2019. Mặc dù chi phí dự phòng có cao hơn song vẫn không bắt kịp đà tăng của các khoản nợ xấu thể hiện ở với tỉ lệ bao phủ nợ xấu giảm mạnh xuống 77.3% từ mức 1197% cuối Quý 4/2019 và tỉ lệ bao phủ nợ xấu và nợ cần chú ý giảm xuống còn 52.6% từ mức 78.5% cuối Quý 4/2019.

### Cắt giảm chi phí hoạt động để giảm thiểu một số tác động tiêu cực đến thu nhập

— Vietinbank ghi nhận thu nhập từ phí tốt hơn so với các ngân hàng cùng ngành trong Quý 1 khi vẫn ghi nhận mức tăng trưởng dương 9.3% YoY và đạt 1,059 tỷ đồng. Lợi nhuận từ chứng khoán kinh doanh cũng tăng gấp bốn lần nhờ sự biến động gia tăng trên thị trường. Chi phí thấp hơn là yếu tố tích cực lớn nhất trong kết quả kinh doanh Quý 1/2020, do việc cắt giảm nhân sự được thực hiện (giảm 398 nhân sự trong Quý 1/2020) từ đó đẩy tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống còn 31.5% từ mức 33.6% trong cùng kỳ năm ngoái để bù đắp chi phí tín dụng cao hơn.

27/04/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim  
harrison.kim@kbf.com  
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền

# Ngân hàng Quốc tế (VIB)

## Áp lực từ chi phí tín dụng khi tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ

**Lợi nhuận trước thuế Quý 1 tăng 33% YoY tuy nhiên tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ kéo theo tăng gia tăng chi phí tín dụng**

— Lợi nhuận trước thuế Quý 1 tăng 32.8% YoY, đạt 860 tỷ đồng do Ban lãnh đạo tận dụng danh mục trái phiếu nắm giữ để duy trì tăng trưởng tín dụng chung, từ đó giảm thiểu tác động đến lợi nhuận khi chi phí dự phòng cao hơn. Tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì ở mức 36.0% YoY (+ 13.9% QoQ) so với mức 25.9% ở cuối năm 2019 cùng với tăng trưởng cho vay khách hàng vẫn duy trì tốt khi chỉ ghi nhận sự sụt giảm nhẹ xuống mức 32.3% YoY (+ 4.4% QoQ) từ mức tăng trưởng 34.4% hồi Quý 4/2019. Ban lãnh đạo đã duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức cao và giảm thiểu áp lực lên tỷ lệ cho vay/tiền gửi thuần đã khá cao ở mức 109% thông qua việc tích cực mở rộng danh mục trái phiếu thêm 58% QoQ (mặc dù một nửa đã được đưa vào trái phiếu chính phủ). Thị trường trái phiếu đã hoạt động từ đầu năm khi nhiều công ty nỗ lực kêu gọi vốn trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước SSC dự thảo quy định mới liên quan đến trái phiếu dự kiến sẽ đưa ra vào nửa sau năm 2020.

**Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ che đậy chi phí tín dụng đang trên đà tăng**

— Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ đạt mức 30% giữ tỷ lệ chất lượng tài sản trong tầm kiểm soát - với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2.19% từ mức 1.96% của Quý 4/2019 - và đẩy áp lực lên sự gia tăng tỉ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý hiện đang ở mức 3.79% từ 3.08% ở cuối năm 2019. Điều này cho phép Ban lãnh đạo kiểm soát chi phí tín dụng ở mức 156 tỷ đồng (-0.3% YoY và tăng 82.6% QoQ từ mức cơ sở thấp trong Quý 4/2019) hoặc 0.12% cho vay so với mức trung bình 0.13% được thấy trong cả năm 2019. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu chỉ giảm xuống 47.3% từ 49.6% của Quý 4/2019 và tỉ lệ bao phủ nợ xấu và nợ cần chú ý giảm xuống còn 27.3% từ mức 31.6% của Quý 4/2019.

**Doanh thu từ phí có phần giảm tốc và chi phí hoạt động tăng nhẹ**

— Doanh thu từ phí chịu áp lực sau khi tất cả các ngân hàng đồng loạt giảm phí dịch vụ trong dịch COVID, giảm 21% QoQ (tăng 18% YoY nhưng điều này phần lớn có thể được quy cho mức thấp trong cùng kỳ năm ngoái). Ngân hàng tiếp tục tăng nhân viên dẫn đến sự gia tăng chi phí trên thu nhập (CIR) tăng lên 45.5% từ 43.6% trong Quý 1 năm 2019.



# Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

## Kết quả tích cực trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19

**LNST quý 1/2020 đạt mức 2,305 tỉ đồng, tăng trưởng 27% yoy. Doanh thu đạt 19,451 tỉ đồng, tăng trưởng 28% yoy.**

- LNST quý 1/2020 của Hòa Phát tăng trưởng mạnh 27% yoy, đạt mức 2,305 tỉ đồng. Đây là mức lợi nhuận sau thuế cao nhất trong một quý của Hòa Phát từ trước đến nay. Doanh thu Q1/2020 cũng đạt 19,451 tỉ đồng, tăng trưởng 28% yoy. Đây là kết quả rất khả quan trong bối cảnh dịch COVID 19 đang diễn biến phức tạp.
- Trong quý 1/2020, sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm của Hòa Phát đạt 732,000 tấn, tăng trưởng 5.1% yoy. Thị phần tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát cũng tăng lên mức 31.9% so với mức 26% của năm 2019. Sản lượng tiêu thụ phôi thép cũng đạt 350,000 tấn, so sánh với mức 0 năm 2019. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ ống thép chỉ đạt 145,000 tấn, giảm 15.6% yoy, tuy nhiên thị phần vẫn được giữ vững ở mức 31.1%.

### Giai đoạn 2 của dự án Dung Quất Hòa Phát sẽ bị chậm tiến độ

- Do tác động của dịch COVID 19, các chuyên gia nước ngoài không thể sang Việt Nam để hoàn tất việc lắp đặt thiết bị. Vì thế, giai đoạn 2 của dự án Dung Quất Hòa Phát sẽ không thể hoàn thành trong năm nay như kế hoạch ban đầu đã đề ra.

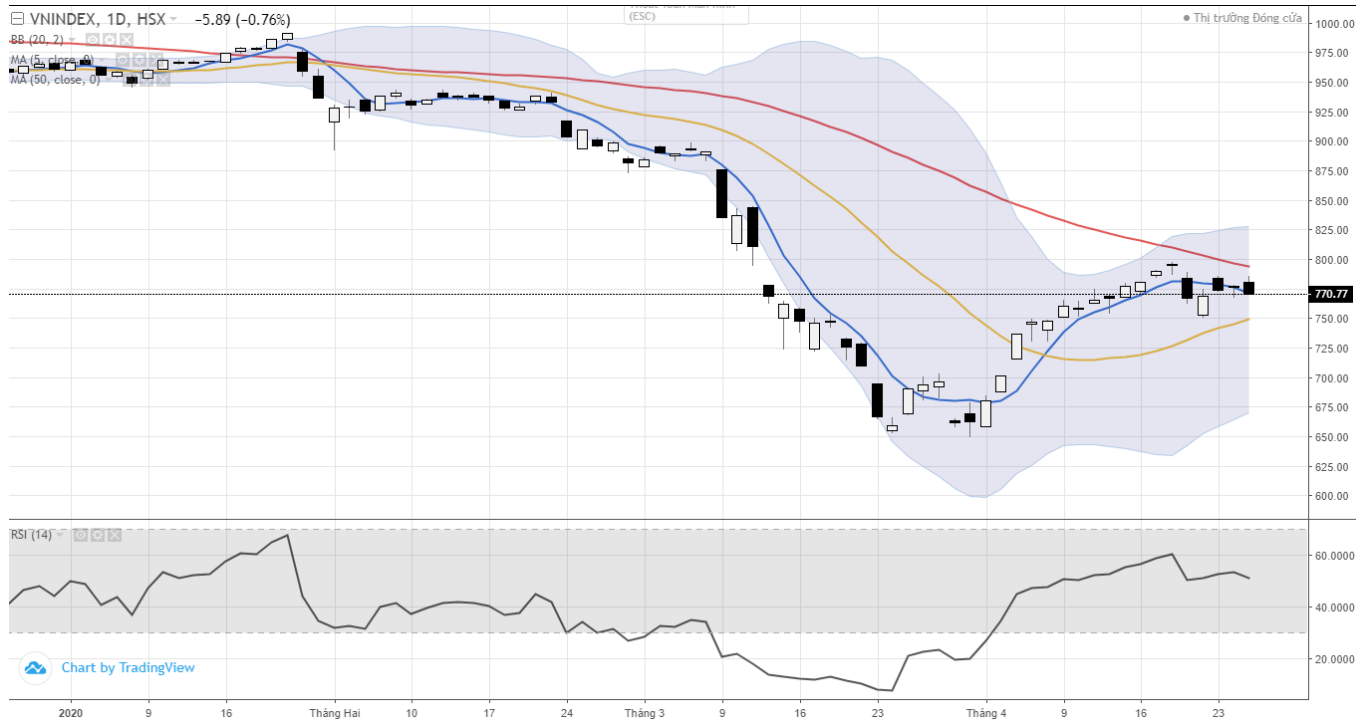
### Ngành thép có mức tăng trưởng âm trong quý 1/2020

- Trong quý 1/2020, ngành thép đối mặt với nhiều thách thức do dịch COVID 19 làm ngưng trệ các ngành sản xuất sử dụng thép như công nghiệp, xây dựng, cơ sở hạ tầng, ô tô, xe máy và sức ép cạnh tranh từ việc gia tăng nguồn cung trong nước. Thêm vào đó, xu hướng giá thép giảm mạnh cũng gây thiệt hại cho các nhà sản xuất thép. Trong quý 1/2020, sản xuất và tiêu thụ thép các loại đều có mức tăng trưởng âm, lần lượt là 6% và 12.4%. Theo đánh giá của hiệp hội thép Việt Nam (VSA) dịch COVID 19 sẽ tác động đến ngành thép mạnh hơn trong quý 2 2020.

# Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

## Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VNIndex tăng tích cực vào đầu phiên trước khi quay đầu điều chỉnh với áp lực bán lớn dần về cuối phiên và tạo mẫu hình nến không mấy tích cực.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số vẫn đang dao động ở vùng trung tính với những phiên tăng/giảm đan xen. Khả năng tiếp tục đi lên mặc dù chưa bị phủ nhận nhưng với cơ hội không thực sự rõ ràng khi thị trường đang chịu áp lực bán khá lớn ở vùng giá cao. Nếu hiện tượng tăng điểm với xung lực yếu tiếp tục diễn ra, kịch bản điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại.
- NĐT được khuyến nghị chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ 74x.

## Chỉ Số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Cả VN30 và HĐTL F1 đều không giữ được thành quả tăng tích cực vào đầu phiên mà quay đầu điều chỉnh về cuối phiên, tạo các mẫu hình nến theo chiều hướng phân phối.
- Kết hợp quan sát diễn biến khung intraday, hiện VN30 vẫn đang vận động trong vùng trung tính. Cơ hội có thêm 1 nhịp hồi dạng thoải chớm vượt đỉnh hoặc rủi ro giảm về vùng 68x của chỉ số đang rất cân bằng.
- NĐT được khuyến nghị tập trung cho các vị thế trading trong phiên theo cả 2 chiều tại các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự trên khung giờ.

# KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

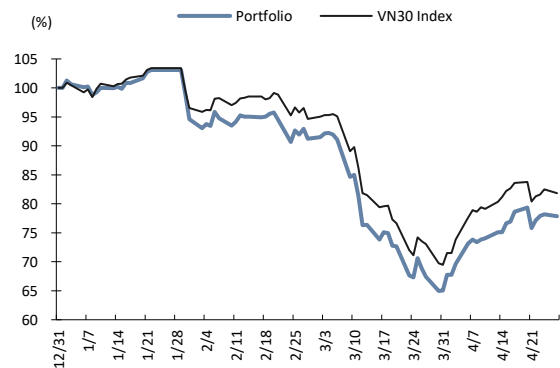
Khối Phân Tích KBSV

## Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.74%	-0.46%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.13%	-22.15%

## So Sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/04/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	82,200	-1.0%	-29.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	21,450	-0.7%	-19.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	58,000	-2.5%	-24.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,700	-2.2%	-20.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	30,500	-0.3%	-10.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,700	-0.6%	31.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	18,850	-1.8%	-22.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	113,500	-1.5%	-12.2%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,950	-0.7%	-6.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	12,800	6.7%	-6.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA  - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.8%	14.7%	9.6
VIC	-1.1%	14.1%	9.0
SAB	0.0%	63.3%	7.3
CTD	5.6%	46.3%	5.2
HPG	-0.7%	36.8%	3.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	-3.1%	23.7%	-106.9
VPB	2.4%	23.1%	-82.9
VRE	-2.1%	31.7%	-57.8
VNM	0.0%	58.6%	-53.4
STB	-1.2%	10.5%	-37.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	0.0%	9.8%	0.2
HAD	-2.4%	9.4%	0.2
SLS	-1.0%	3.4%	0.1
VCS	0.7%	2.5%	0.1
NVB	-2.4%	4.5%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-1.6%	9.3%	-6.2
SHB	-1.8%	8.0%	-3.0
LAS	-3.3%	3.7%	-1.3
LHC	6.0%	24.4%	-1.1
BVS	-2.3%	27.7%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	3.9%	HPG, HSG
Hóa chất	1.4%	DCM, PHR
Thực phẩm và đồ uống	1.2%	VNM, SAB
Y tế	0.4%	DHG, OPC
Xây dựng và Vật Liệu	0.3%	CTD, VGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.3%	YEG, PNC
Dầu khí	-8.8%	PLX, PVD
Ngân hàng	-5.3%	VCB, BID
Bất động sản	-4.5%	VIC, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.5%	GAS, PGD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	36.1%	MWG, FRT
Tài nguyên Cơ bản	31.3%	HPG, HSG
Bảo hiểm	26.2%	BVH, BMI
Du lịch và Giải trí	26.1%	HVN, VJC
Công nghệ thông tin	23.3%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	7.2%	PNC, YEG
Ngân hàng	10.8%	EIB, TPB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.9%	THI, TCO
Dầu khí	13.1%	PVD, PLX
Bất động sản	13.3%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	92,000	311,184 (13,262)	102,056 (4.3)	22.5	41.5	24.7	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	-1.1	-4.4	6.0	-	20.0	
	VHM	VINHOMES JSC	64,500	212,174 (9,042)	56,205 (2.4)	34.3	7.8	6.6	35.4	38.4	32.5	2.5	1.8	-0.8	-5.8	7.5	-	23.9	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	23,500	53,399 (2,276)	71,847 (3.1)	17.3	17.5	14.0	14.0	10.8	12.1	1.9	1.7	-2.1	-	10.3	15.2	-	30.9
	NVL	NO VA LAND INVES	52,800	51,192 (2,182)	28,767 (1.2)	32.4	19.0	18.6	-	11.3	12.0	2.1	1.8	-0.4	0.2	1.5	-	-	11.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	20,500	11,161 (476)	10,645 (0.5)	4.8	9.7	8.5	16.8	14.6	15.2	1.3	1.2	0.0	-1.9	5.4	-	-	23.8
	DXG	DAT XANH GROUP	9,740	5,053 (215)	28,180 (1.2)	8.6	4.1	3.4	-6.2	14.1	17.6	0.6	0.6	1.9	-7.7	8.8	-	-	32.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	66,800	247,753 (10,558)	104,554 (4.5)	6.3	13.8	11.6	16.7	20.4	20.2	2.6	2.2	-3.0	-7.1	4.2	-	25.9	
	BID	BANK FOR INVESTM	35,100	141,173 (6,016)	46,671 (2.0)	12.2	18.8	14.9	5.7	11.9	11.5	1.8	1.6	-2.5	-5.4	6.4	-	23.9	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,050	59,677 (2,543)	32,366 (1.4)	0.0	5.5	4.7	8.2	16.9	17.4	0.8	0.7	-0.3	-3.7	6.6	-	27.6	
	CTG	VIETNAM JS COMM	18,850	70,186 (2,991)	117,497 (5.0)	0.3	8.0	5.7	28.8	13.8	17.0	0.9	0.8	-1.8	-5.0	-0.8	-	-9.8	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,000	51,193 (2,182)	91,770 (3.9)	0.3	5.4	4.7	11.8	19.4	18.3	1.0	0.9	2.4	0.0	7.4	5.0	-	-
	MBB	MILITARY COMMERC	15,700	37,859 (1,613)	109,048 (4.6)	0.0	4.2	3.7	17.7	20.7	20.5	0.8	0.7	-2.2	-5.7	7.5	-	24.5	
	HDB	HDBANK	20,500	19,801 (844)	32,661 (1.4)	8.3	5.5	4.6	13.8	20.6	20.2	0.9	0.7	-0.5	-4.0	12.3	-	25.6	
	STB	SACOMBANK	8,990	16,215 (691)	92,882 (4.0)	13.2	6.0	4.8	39.1	9.4	12.7	0.6	0.5	-1.2	-5.9	9.5	-	10.5	
	TPB	TIEN PHONG COMME	17,500	14,290 (609)	2,373 (0.1)	0.0	3.8	3.5	44.5	25.7	21.6	0.9	-	-1.1	-4.4	11.4	-	16.9	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,100	18,564 (791)	7,278 (0.3)	0.0	32.5	31.1	-6.9	3.6	3.6	1.1	1.1	-1.3	-0.7	-3.8	-	-	15.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	46,450	34,481 (1,469)	31,293 (1.3)	20.2	28.2	20.8	1.0	6.9	9.0	1.8	1.7	-1.2	-2.9	22.2	-	32.3	
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,200	1,937 (083)	7,639 (0.3)	12.8	-	-	-	-	-	-	-	3.4	-3.6	35.0	-	14.5	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,100	7,872 (335)	47,575 (2.0)	48.7	8.1	7.4	-	11.9	10.5	10.6	-	-	-1.1	-4.4	23.0	-	15.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	17,650	2,900 (124)	8,133 (0.3)	65.8	-	-	-	14.1	-	-	-	-4.1	-7.6	11.0	-	40.2	
	HCM	HO CHI MINH CITY	17,000	5,189 (221)	32,741 (1.4)	45.4	10.0	5.9	-	16.4	12.5	17.7	1.1	1.0	-0.9	3.3	37.7	-	20.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	10,950	2,284 (097)	10,358 (0.4)	11.6	-	-	-	8.6	-	-	-	0.5	-7.2	-4.4	-	-	24.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	102,800	179,014 (7,629)	151,747 (6.5)	41.4	18.2	16.8	3.7	38.2	38.9	6.1	5.6	0.0	2.8	9.2	-	11.8	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,000	115,431 (4,919)	15,301 (0.7)	36.7	25.2	21.2	7.5	24.3	26.5	5.7	5.1	0.0	1.8	38.9	-	21.1	
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,500	68,383 (2,914)	94,460 (4.0)	13.0	25.8	20.3	-	30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	-1.7	-1.5	18.7	-	3.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,950	14,356 (612)	2,844 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	1.2	1.6	5.3	-	-6.8	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	113,500	59,456 (2,534)	32,611 (1.4)	11.3	14.1	11.8	-9.5	25.6	27.3	3.4	3.1	-1.5	-3.2	17.1	-	22.4	
	GMD	GEMADEPT CORP	17,500	5,196 (221)	7,496 (0.3)	0.0	12.7	11.1	-	53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	0.3	-2.5	10.1	-	24.9
	CII	HO CHI MINH CITY	19,450	4,820 (205)	20,438 (0.9)	24.4	10.4	9.5	-	136.4	9.6	9.7	0.9	0.9	2.1	-1.8	5.1	-	13.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,880	2,202 (094)	78,029 (3.3)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	4.6	0.5	3.2	-	77.6	
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,850	7,739 (330)	20,016 (0.9)	33.8	9.3	7.0	-	12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	-2.5	-5.7	16.5	-	18.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	64,000	4,883 (208)	15,787 (0.7)	2.7	9.5	8.6	-	39.4	6.4	6.8	0.6	0.6	5.6	3.7	25.2	-	24.8
	REE	REE	30,500	9,457 (403)	19,207 (0.8)	0.0	5.6	4.8	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	-0.3	-1.1	8.9	-	16.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD		
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	64,200	122,876 (5,237)	58,360 (2.5)	45.6	16.3	12.4	-	15.4	19.8	2.5	2.3	-1.4	-6.7	10.3	-	31.5	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,400	5,873 (250)	9,934 (0.4)	31.5	8.3	7.7	-3.0	17.0	18.6	1.4	1.4	-1.2	6.3	22.2	-5.8		
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,600	8,208 (350)	5,652 (0.2)	32.5	8.3	8.8	-8.0	16.6	15.4	1.3	1.3	0.6	7.1	20.2	-4.8		
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,950	60,606 (2,583)	159,223 (6.8)	12.2	7.3	5.6	-1.7	17.2	19.1	1.1	0.9	-0.7	3.5	35.5	-6.6		
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,900	5,440 (232)	36,342 (1.5)	33.0	9.6	9.3	-2.8	9.1	7.8	0.7	0.7	-4.1	-6.4	19.3	7.3		
	DCM	PETRO CA MAU FER	7,800	4,129 (176)	10,939 (0.5)	47.2	9.6	21.2	-	7.8	3.5	0.7	0.7	0.6	10.5	38.5	20.0		
	HSG	HOA SEN GROUP	7,400	3,288 (140)	41,223 (1.8)	31.5	8.4	6.3	0.0	7.0	8.5	0.5	0.5	1.9	16.0	55.4	-0.5		
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,700	2,174 (093)	26,905 (1.1)	36.6	5.5	9.3	51.8	14.8	9.0	0.7	0.5	-0.8	4.1	24.5	0.0		
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,200	47,871 (2,040)	54,653 (2.3)	6.9	12.7	11.5	6.8	17.0	19.8	2.3	2.0	-2.8	-8.4	1.8	-	28.2	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,020	3,799 (162)	59,062 (2.5)	34.7	29.1	11.6	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	-3.9	-	13.7	16.2	-	40.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,000	2,814 (120)	21,745 (0.9)	22.7	5.3	4.8	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.5	-2.4	-9.1	24.8	-	40.5	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	82,200	37,222 (1,586)	137,091 (5.8)	0.0	9.2	7.4	15.5	29.9	30.7	2.4	1.9	-1.0	-2.5	29.9	-	27.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	58,000	13,061 (557)	50,516 (2.2)	0.0	12.1	10.2	7.9	23.6	23.1	2.5	2.0	-2.5	-3.7	11.8	-	32.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	55,500	1,638 (070)	2,052 (0.1)	68.8	23.3	17.0	-	6.7	8.5	1.5	1.4	-5.5	-9.8	0.9	50.0		
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,700	1,793 (076)	12,843 (0.5)	8.7	11.9	11.0	-	11.1	10.6	1.1	0.9	-1.7	20.4	103.6	7.8		
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	45,850	6,213 (265)	32,075 (1.4)	40.3	5.8	5.3	30.3	38.0	35.0	2.0	1.7	6.4	4.9	24.3	20.0		
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,100	11,911 (508)	2,520 (0.1)	45.7	18.9	18.0	4.1	19.2	18.7	3.3	3.1	-0.7	1.1	12.5	-0.4		
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,000	4,426 (189)	1,086 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	-0.8	10.9	8.7		
IT	FPT	FPT CORP	50,700	34,561 (1,473)	101,306 (4.3)	0.0	10.4	8.9	17.2	24.1	25.0	2.2	2.0	-0.6	-1.2	17.6	-	13.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**  
congtl@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**  
huyenntt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**  
vinhn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**  
shin.sy@kbsec.com.vn



## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.